

Số: 848 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 31 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong các lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Trồng trọt, Lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện và UBND cấp xã tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 97/TTr-SNN ngày 17 tháng 4 năm 2018, Tờ trình số 107/TTr-SNN ngày 02 tháng 5 năm 2018 và Tờ trình số 133/TTr-SNN ngày 18 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong các lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Trồng trọt, Lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Yên Bái (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Phó Chánh VPUBND tỉnh (NC);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC.



Nguyễn Chiến Thắng




DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ TRONG CÁC LĨNH VỰC: KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH YÊN BÁI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)


1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	Lĩnh vực kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn				
1	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái - Địa chỉ: Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Không quy định	- Điểm b Khoản 2 Điều 4 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; - Điều 4 Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-

					TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí xây dựng dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư – Địa chỉ: Số 1183, đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Không quy định	Điều 7, Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.
3	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	70 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái – Địa chỉ: Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Không quy định	- Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; - Điều 7 Thông tư số


				<p>19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
4	<p>Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn</p>	<p>Chưa quy định</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Địa chỉ: Tổ 3, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái</p>	<p>Không quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg này 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

5	<p>Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn)</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Địa chỉ: Tổ 3, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.</p>
B	Lĩnh vực Trồng trọt				
1	<p>Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm</p>	<p>45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Chi cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái - Địa chỉ: Ngõ 42, đường Phan Đăng Lưu, tổ 7, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm</p>

	<p>Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm</p>	<p>30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Chi cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái - Địa chỉ: Ngõ 42, đường Phan Đăng Lưu, tổ 7, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm.</p>
<p>3</p>	<p>Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Chi cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái - Địa chỉ: Ngõ 42, đường Phan Đăng Lưu, tổ 7, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm.</p>
<p>4</p>	<p>Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng</p>	<p>07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định</p>	<p>Chi cục Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Yên Bái - Địa chỉ: Ngõ 42, đường Phan Đăng Lưu, tổ 7, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng.</p>

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THỂ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Lĩnh vực Lâm nghiệp				
1	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	Chưa quy định	Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái – Địa chỉ: Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Không quy định	Khoản 1, Điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
2	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	33 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp cần xác minh thực địa, thời gian được kéo dài thêm không quá 15 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công tỉnh Yên Bái (tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh)	Không quy định	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3	 <p>Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đôi với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh)</p>	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Hành chính công tỉnh Yên Bái (tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh)	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Điều 16, 17, 18 Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
---	--	---	---	----------------	--

3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
1	T-YBA-249634-TT	Chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ bảo vệ và Phát	Ngày 15/11/2017 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT quy định

		triển rừng của tỉnh	về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, có hiệu lực ngày 01/01/2018 bãi bỏ Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT
2	T-YBA-249633-TT	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	
3	T-YBA-249635-TT	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR nằm trong phạm vi một tỉnh)	Ngày 15/11/2017 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018 đã bãi bỏ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục nghiệm thu thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;




DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	- Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; - Điều 6, Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định Quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	<p>- Quyết định số. 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;</p> <p>- Điều 5, Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định Quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.</p>
3	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Tiêu chí và Thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

 <p>Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại</p>	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Tiêu chí và Thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Không quy định	Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Tiêu chí và Thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại




DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI

Hành hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn	Không quy định	- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP, ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; - Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa; - Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông

					<p>ngành và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p>
--	---	--	--	--	--